

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOA LƯ  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Đức Thọ

2. Ông Nguyễn Văn Khuyển

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 5 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị D, sinh năm 1998; Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã Tr, huyện Ho, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: thôn A, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm: 1996; Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã Tr, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2019, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Đàm Thị D trình bày:* Chị và anh Trần Văn T có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng sau đó mới đi đến kết hôn. Quá trình sống chung trước hôn nhân, từ cuối năm 2017, chị và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và anh T không tu chí làm ăn, nghiện ma túy và có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Ngày 7/2/2018, chị và anh T đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Chị đồng ý đăng ký kết hôn là do anh T hứa sẽ thay đổi và chị cũng muốn con cái được đăng ký khai sinh đầy đủ cả bố và

mẹ. Tuy nhiên, chỉ được vài tháng, anh T lại chứng nào tật đấy. Chị và hai bên gia đình cũng khuyên bảo nhưng anh Thuận không thay đổi. Tháng 3 năm 2019, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay. Cách đây vài tháng, anh T đã bị bắt tạm giam do tàng trữ trái phép chất ma túy. Trước đó, năm 2016, anh T chiếm đoạt tài sản của người khác phải đi tù một năm. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Quá trình chung sống, chị và anh T có 03 con chung là cháu Trần Bảo C và cháu Trần Lan C đều sinh ngày 14/4/2016, cháu Trần Thiên K, sinh ngày 4/10/2017. Sau khi anh T bị bắt tạm giam, chị đã đón các cháu về ở cùng để chăm sóc. Khi ly hôn, chị xin được quyền nuôi dưỡng cả 03 cháu do các cháu còn nhỏ, anh T đang bị tạm giam. Chị không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung vì thu nhập của chị khoảng 7- 8 triệu đồng/tháng đủ để nuôi dưỡng các con và bố mẹ đẻ của chị đã đồng ý tạo điều kiện về chỗ ở cho mẹ con chị sau khi ly hôn.

Về tài sản, công nợ chung: Chị D không đề nghị tòa án giải quyết.

*Bị đơn - anh Trần Văn T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn T không có quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Tại biên bản xác minh của tòa án, chính quyền địa phương tại xã Tr, huyện H cho biết:* Anh Trần Văn T và chị Đàm Thị D là vợ chồng, có thời gian sinh sống tại thôn T, xã Tr. Đến đầu năm 2019, chị D không sống cùng anh T ở địa phương nữa. Mâu thuẫn giữa anh T, chị D cụ thể như thế nào, chính quyền địa phương không nắm rõ. Anh T có chung sống với người phụ nữ khác, có nhiều biểu hiện vi phạm pháp luật như nghiện ma túy, gây mất trật tự thôn xóm, .... Sau khi chị D bỏ đi, các con của anh T, chị D đều sống cùng với anh T có sự hỗ trợ, giúp đỡ của bố mẹ anh T. Hiện nay, anh T đã bị tạm giam tại Trại Tạm giam công an tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tòa án làm việc mặc dù đã được triệu tập nhiều lần. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị D ly hôn anh T. Giao cả ba con chung của anh T, chị D cho chị D nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung. Chị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ lời khai của chị D cũng như nội dung do chính quyền địa phương xã Tr cung cấp, HĐXX nhận định anh T, chị D có quá trình chung sống với nhau và phát sinh mâu thuẫn trước khi kết hôn. Việc kết hôn giữa anh T, chị D là tự nguyện nhưng mục đích chính là để đăng ký khai sinh cho các con. Mâu thuẫn giữa anh T, chị D có nguyên nhân từ việc anh T vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không tu chí làm ăn và có biểu hiện vi phạm pháp luật. Anh T đã được tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc và không có quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D thể hiện việc anh T không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị D, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. HĐXX xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của chị D về việc ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T, chị D có ba con chung như chị D đã trình bày. Hiện nay, anh T bị tạm giam, chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho các cháu. Xét thấy, cả ba cháu đều còn nhỏ và chị D có đủ điều kiện để chăm lo cho các cháu nên cần giao cho chị D trực tiếp được nuôi dưỡng các con chung. Chị D không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[4] Anh T, chị D không có yêu cầu tòa án giải quyết về chia tài sản chung, công nợ chung khi ly hôn nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Chị D phải nộp án phí ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

#### **Xử:**

*1. Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Đàm Thị D.

*2. Về nuôi con chung:* Giao con chung Trần Lan C, Trần Bảo C đều sinh ngày 14/4/2016 và Trần Thiên K, sinh ngày 4/10/2017 cho chị Đàm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải đóng góp nuôi con chung cho chị D, có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trộm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị D. Khi cần thiết, anh T, chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị Đàm Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/01057 ngày 5/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Chị D đã nộp đủ.

Chị Đàm Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- THADS huyện Hoa Lư;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Vũ Thị Kim Oanh**